

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ AN PHÚ ĐÔNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ AN PHÚ ĐÔNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Lê Văn Ngôn	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Trần Hữu Nguyên Chương	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
3	Vũ Thị Lan Anh	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch hội đồng	
4	Trần Tiên Thùy Trang	Tổ trưởng	Thư ký hội đồng	
5	Nguyễn Hoài Diệp	Chủ tịch công đoàn	Ủy viên hội đồng	
6	Nguyễn Minh Hồng	Cấp ủy	Ủy viên hội đồng	
7	Quản Văn Công	Bí thư chi đoàn	Ủy viên hội đồng	
8	Hoàng Thị Thanh Huyền	Tổng phụ trách Đội	Ủy viên hội đồng	
9	Lê Văn Tâm	Tổ trưởng tổ Toán	Ủy viên hội đồng	
10	Phạm Thị Hương Lan	Tổ trưởng tổ Ngữ văn	Ủy viên hội đồng	
11	Trần Tuấn Đạt	Tổ trưởng Tiếng Anh	Ủy viên hội đồng	
12	Nguyễn Thị Hữu Phương	Tổ trưởng	Ủy viên hội đồng	

		Sử-Địa- GDCD		
13	Hồ Thị Thanh Tuyền	Tổ phó CM-Ban đại diện CMHS	Ủy viên hội đồng	
14	Trương Ánh Sen	Tổ trưởng - Trưởng Ban thanh tra nhân dân	Ủy viên hội đồng	
15	Phan Thị Thanh Trang	Tổ trưởng HCQT	Ủy viên hội đồng	
16	Nguyễn Anh Vân	Kế toán	Ủy viên hội đồng	
17	Nguyễn Thị Kim Huyền	Văn thư	Ủy viên hội đồng	
18	Nguyễn Thành Công	Trưởng Ban đại diện CMHS	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	4
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	12
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	15
Mở đầu	15
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	16
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.	18
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.	19
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	22
Tiêu chí 1.5: Lớp học.	24
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.	26
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.	28
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.	29
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.	31
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	32
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	35
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	36
Mở đầu	36

Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.	36
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.	38
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.	41
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh.	42
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	44
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	44
Mở đầu	44
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập.	45
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập.	46
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính-quản trị.	48
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.	50
Tiêu chí 3.5: Thiết bị.	51
Tiêu chí 3.6: Thư viện.	53
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	55
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	56
Mở đầu	56
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh.	56
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.	58
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	60
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	61
Mở đầu	61
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông.	61
Tiêu chí 5.2: Tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.	64
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định.	66
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp.	67
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh.	69

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục.	71
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	76
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	77
Phần IV. PHỤ LỤC	79

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả tự đánh giá

Tiêu chuẩn, Tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X	X	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	

<i>Tiêu chuẩn 4</i>		X	X	
Tiêu chí 4.1		X	X	
Tiêu chí 4.2		X	X	
<i>Tiêu chuẩn 5</i>				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	
Tiêu chí 5.5		X	X	
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 2.

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Trung học cơ sở An Phú Đông

Tên trước đây: Trường Phổ thông cơ sở An Phú Đông

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân Quận 12

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh	Họ và tên Hiệu trưởng	Lê Văn Ngôn
Huyện/ quận/ thị xã/ thành phố	12	Điện thoại	02837195891
Xã / phường/ thị trấn	An Phú Đông	Fax	Không
Đạt chuẩn quốc gia	X	Website	thcsanphudong.hcm.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1996	Số điểm trường	01
Công lập	X	Loại hình khác	Không
Tư thục	Không	Thuộc vùng khó khăn	Không
Trường chuyên biệt	Không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	Không
Trường liên kết với nước ngoài	Không		

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019
Khối lớp 6	09	09	09	09	10
Khối lớp 7	08	09	08	09	09
Khối lớp 8	07	08	09	08	08
Khối lớp 9	07	06	07	08	08
Cộng	31	32	33	34	35

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2014- 2015	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	29	30	33	33	40	
1	Phòng học	21	22	25	25	25	
a	Phòng kiên cố	21	22	25	25	25	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
2	Phòng học bộ môn	05	05	05	05	07	
a	Phòng kiên cố	05	05	05	05	07	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
3	Khối phục vụ học tập	03	03	03	03	05	
a	Phòng kiên cố	03	03	03	03	05	
b	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
c	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
II	Khối phòng hành chính-quản trị	10	10	10	10	10	
1	Phòng kiên cố	10	10	10	10	10	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
III	Thư viện	01	01	01	01	01	
	Cộng	46	47	50	50	51	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: Tháng 01 năm 2020

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	00	00	00	00	01	
Phó Hiệu trưởng	02	01	00	00	00	02	
Giáo viên	67	47	00	00	06	61	
Nhân viên	13	09	00	00	13	00	
Cộng	83	57	00	00	19	64	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019
1	Tổng số giáo viên	63	62	58	57	65
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	2,17	2,06	1,75	1,67	1,85
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp quận hoặc tương đương trở lên	00 (Quận không tổ chức)	13	00 (Quận không tổ chức)	17	00 (Quận không tổ chức)
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	02	00 (Thành phố không tổ chức)	00	00 (Thành phố không tổ chức)	00

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	1294	1310	1359	1434	1482	
	- Nữ	624	655	660	701	741	
	- Dân tộc thiểu số	15	16	17	18	19	
	- Khối lớp 6	397	376	370	411	439	
	- Khối lớp 7	314	378	345	357	403	
	- Khối lớp 8	288	308	378	327	352	
	- Khối lớp 9	295	248	266	334	325	
2	Tổng số tuyển mới	397	376	370	411	439	
3	Học 2 buổi/ngày	00	00	00	00	00	
4	Bán trú	00	00	00	00	00	
5	Nội trú	00	00	00	00	00	
6	Bình quân số học sinh/lớp học	45	45	45	45	45	
7	Số lượng	1294	1310		1434	1482	

	và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	(100%)	(100%)	1359 (100%)	(100%)	(100%)	
	- Nữ	624	655	660	701	741	
	- Dân tộc thiểu số	15	16	17	18	19	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh	24/4	11/6	19/8	19/17	18/8	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia (nếu có)	00	00	00	00	00	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	00	52	60	81	90	
	- Nữ	00	12	32	41	48	
	- Dân tộc thiểu số	00	00	00	00	00	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	00	00	00	00	00	

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2014- 2015	Năm học 2015- 2016	Năm học 2016- 2017	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	32,92	32,14	31,51	31,31	32,05	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	34,47	31,22	33,7	36,05	37,31	
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	4,87	6,41	7,06	4,81	2,83	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	89,64	88,93	91,1	94,91	96,63	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	10,36	11,07	8,9	5,09	3,37	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	0	0	0	0	0	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

- Trường Trung học cơ sở An Phú Đông tọa lạc trên khu đất rộng 4966,1 m², sau đó được Ủy ban nhân dân phường bàn giao thêm diện tích mới là 2169,2 m², tổng diện tích hiện tại 7135,3 m² địa chỉ: 2688/1A khu phố 1, phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trường Phổ thông cơ sở An Phú Đông được thành lập ngày 27 tháng 03 năm 1976 theo Quyết định số 32/QĐ-UB ngày 27 tháng 03 năm 1976 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn, lúc đó trường gồm cả 2 cấp 1 và 2.

- Trường Trung học cơ sở An Phú Đông được xây dựng từ năm 1996 theo quyết định số 4028/QĐ-UB-QLĐT ngày 03 tháng 09 năm 1996 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm học 1997-1998 trường được tách ra riêng trường cấp 2, có 18 lớp học với 747 học sinh, qua quá trình hình thành và phát triển, đến nay số lớp học đã tăng lên 37 lớp với tổng số học sinh 1629. Trong 21 năm hoạt động giáo dục, từng bước Hiệu trưởng đã tạo được nền tảng giáo dục ổn định và có hiệu quả, với truyền thống đủ để làm tiền đề chắc chắn cho sự phát triển của nhà trường trong hiện tại và tương lai.

- Trường Trung học cơ sở An Phú Đông đã đạt chuẩn Quốc gia năm 2003, tuy nhiên theo chuẩn Quốc gia 2010 trường cần phải đầu tư thêm khu luyện tập thể dục thể thao và phòng học bộ môn. Trường Trung học cơ sở An Phú Đông cần phải có một kế hoạch phát triển mang tính chiến lược cho 5 năm tới từ 2015-2020 để được công nhận trường chuẩn Quốc gia vào những năm tiếp theo.

- Việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2015-2020 nói riêng và kế hoạch chiến lược phát triển của các nhà trường trong toàn ngành nói chung có một ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, góp phần thực hiện chiến lược phát triển giáo dục đào tạo giai đoạn 2010-2020. Cùng với các nhà trường xây dựng ngành

Giáo dục và Đào tạo Quận 12 phát triển ổn định, chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương nói riêng, của Thành phố nói chung.

Về cơ cấu tổ chức, đoàn thể, trường có chi bộ Đảng, tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Về cơ cấu tổ chức chính quyền, trường có cán bộ quản lý, 06 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng.

Năm học 2018-2019, tổng số cán bộ - giáo viên - nhân viên của trường là 81 người, 1482 học sinh với 35 lớp học. Tập thể cán bộ - giáo viên - nhân viên của trường luôn nỗ lực phấn đấu tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” bằng những việc làm cụ thể gắn với từng nhiệm vụ được giao, cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”, phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”, thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục pháp luật, giáo dục về an toàn giao thông, công tác an ninh trật tự, an toàn trường học luôn được đảm bảo, nề nếp, kỷ luật nhà trường được giữ vững, cảnh quan sư phạm và môi trường luôn xanh, sạch, đẹp.

Tổ chức bộ máy nhà trường hoạt động hiệu quả; hướng tới sự phát triển toàn diện của học sinh và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục của nhà trường. Quản lý và tổ chức dạy và học theo yêu cầu đổi mới, phát huy sự sáng tạo, tích cực, chủ động của học sinh và khuyến khích sự sáng tạo, nghiên cứu của giáo viên. Chất lượng dạy của giáo viên và học của học sinh được nâng cao qua từng năm học. Duy trì mối quan hệ thường xuyên, chặt chẽ với cha mẹ học sinh, tập hợp các đoàn thể và phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường ngày càng đạt hiệu quả trong các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Trường đảm bảo việc thực hiện dạy học 01 buổi/ngày cho tất cả học sinh, thực hiện chương trình chủ động, đảm bảo thời lượng dạy học và chuẩn kiến thức, kỹ năng. Thực hiện dạy học tích hợp, lồng ghép trong các môn học, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm thực tế, hướng nghiệp, ... Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh phù hợp với khả năng học tập của học sinh và điều kiện của nhà trường. Ứng

dụng công nghệ thông tin thường xuyên và đạt hiệu quả trong quản lý và dạy học. Chú trọng bồi dưỡng học sinh có năng khiếu và tổ chức phụ đạo học sinh yếu kém theo kế hoạch hằng năm. Tổ chức các câu lạc bộ võ tự vệ, âm nhạc, mỹ thuật, thể dục thể thao trong nhà trường cho học sinh phát triển năng khiếu, rèn luyện sức khỏe và vui chơi bổ ích. Hằng năm, trường tiếp tục thực hiện phổ cập bơi cho học sinh. Thường xuyên thực hiện kiểm kê, sửa chữa, mua sắm bổ sung các thiết bị dạy học và đồ dùng dạy học đảm bảo phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập.

Trường thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, thực hiện chế độ báo cáo đúng tiến độ, chính xác, trung thực.

Trong 05 năm học liên tiếp tính đến thời điểm tự đánh giá, trường đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”.

2. Mục đích tự đánh giá

Xác định nhà trường đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn; lập kế hoạch cải tiến chất lượng, duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của nhà trường.

Khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho giáo dục, góp phần tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

Tự đánh giá để xác định kết quả giáo dục của nhà trường, tự đánh giá còn là cơ hội để từng thành viên trong nhà trường nhìn lại quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, sự phối hợp, đoàn kết, thống nhất của các lực lượng trong quá trình xây dựng nhà trường. Từ đó, có biện pháp cụ thể nâng cao hiệu quả giáo dục và đào tạo của nhà trường.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Trường Trung học cơ sở An Phú Đông tiến hành công tác tự đánh giá từ tháng 02 năm 2019 và hoàn thành vào tháng 04 năm 2019 theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hiệu trưởng đã ban hành quyết định số 11/QĐ-APĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 thành lập hội đồng tự đánh giá gồm 17 thành viên, nhóm thư ký gồm 03 thành viên và 05 nhóm công tác gồm 26 thành viên đồng thời huy động cán bộ - giáo viên - nhân viên của nhà trường tham gia hoạt động tự đánh giá, sự hỗ trợ phối hợp của Ban đại diện cha mẹ học sinh cùng với sự hướng dẫn, chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12, sự hỗ trợ, giúp đỡ của Đảng ủy phường, Ủy ban nhân dân phường và các ban ngành đoàn thể phường An Phú Đông. Nhận thức đúng đắn về mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác tự đánh giá nên các thành viên trong hội đồng đã tập trung làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, nghiêm túc để hoàn thành tốt nhiệm vụ theo đúng quy định và đúng tiến độ thời gian.

Để công tác tự đánh giá của nhà trường được tiến hành thuận lợi và đạt hiệu quả, hội đồng tự đánh giá đã xây dựng kế hoạch tự đánh giá số 53/KH-APĐ ngày 05 tháng 11 năm 2018 để phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên đồng thời xác định rõ nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, nguồn tài chính cần huy động, nội dung công việc, thời gian tiến hành và thời gian hoàn thành từng công việc. Nhờ đó, tất cả các hoạt động diễn ra thuận lợi, đúng kế hoạch và báo cáo tự đánh giá hoàn thành đúng tiến độ.

Những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá: báo cáo tự đánh giá đã trình bày đầy đủ 05 tiêu chuẩn, các tiêu chí và chỉ báo của Mức 1, 2, 3 theo quy định. Mỗi tiêu chí mô tả rõ ràng hiện trạng, điểm mạnh, điểm yếu và đề ra kế hoạch cải tiến chất lượng với những biện pháp cụ thể, khả thi, phù hợp với điều kiện của nhà trường. Các minh chứng được thu thập và sắp xếp theo từng mã một cách khoa học.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Cơ cấu tổ chức và quản lý nhà trường theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hội đồng trường được thành lập đúng quy định. Trường có chi bộ Đảng, tổ chức Công đoàn,

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, có cán bộ quản lý, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng. Nhà trường có đầy đủ cơ cấu tổ chức, bộ máy nhà trường hoạt động ngày càng hiệu quả. Chiến lược phát triển nhà trường được xây dựng phù hợp với các nguồn lực của nhà trường và được công bố công khai. Các đoàn thể và tổ chức trong nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, đóng góp tích cực trong các hoạt động, phối hợp chặt chẽ với Hiệu trưởng và hoạt động đạt hiệu quả. Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở của nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế-xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Hiệu trưởng có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2019-2024 được xây dựng phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật Giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02].

b) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2019-2024 được Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12 phê duyệt [H1-1.1-01].

c) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2019-2024 được công bố công khai trên website thcsanphudong.hcm.edu.vn và trên cổng thông tin điện tử thcsanphudong.hcm.edu.vn của nhà trường [H1-1.1-03].

Mức 2:

Hiệu trưởng phối hợp với công đoàn xây dựng các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-04].

Mức 3:

Định kỳ hằng quý nhà trường thực hiện việc rà soát phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-04]. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, tuy nhiên chưa có sự tham gia đóng góp ý kiến của cộng đồng [H1-1.1-05].

2. Điểm mạnh

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2019-2024 được xây dựng phù hợp và được công bố công khai.

3. Điểm yếu

Việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển chưa có sự tham gia của cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2019-2024 có sự tham gia của cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hội đồng trường được thành lập theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học. Hội đồng trường có 13 thành viên gồm đại diện tổ chức Đảng, chính quyền, tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, tổ chuyên môn và tổ văn phòng [H1-1.2-01]. Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng chăm sóc kiến kinh nghiệm, Hội đồng tuyển sinh lớp 6 được thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

b) Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng chăm sóc kiến kinh nghiệm, Hội đồng tuyển sinh lớp 6 thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 20 Điều lệ trường trung học như quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, kế hoạch và phương hướng phát triển của nhà trường, về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản trong nhà trường, giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ và các hoạt động của nhà trường, ... [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

c) Định kỳ hằng quý Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm thực hiện rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05].

Mức 2:

Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm, Hội đồng tuyển sinh lớp 6 hoạt động tích cực, đạt hiệu quả về giám sát việc thực hiện các nghị quyết, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, tuy nhiên Hội đồng thi đua khen thưởng chưa được thường xuyên và đột xuất, chỉ theo định kỳ. [H1-1.1-06]; [H1-1.2-06].

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường được thành lập theo quy định, thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định. Các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Hội đồng trường hoạt động tích cực, đạt hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Hội đồng thi đua khen thưởng chưa được thường xuyên và đột xuất, chỉ theo định kỳ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021 và các năm học tiếp theo, Hội đồng thi đua khen thưởng tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định và định kỳ rà soát, đánh giá các hoạt động nhằm khen thưởng đột xuất, thường xuyên để động viên tinh thần cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định: Công đoàn trường có 81 công đoàn viên trực thuộc Liên đoàn lao động Quận 12 [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 20 đoàn viên trực thuộc Đoàn phường An Phú Đông, Quận 12 [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]. Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh gồm 37 chi đội, Ban chỉ huy liên đội với 9 thành viên trực thuộc Hội đồng Đội Quận 12 [H1-1.3-05].

Ngoài ra, trường còn có các hội đồng như hội đồng thi đua-khen thưởng [H1-1.2-06], hội đồng chấm và công nhận sáng kiến [H1-1.3-06], hội đồng tuyển sinh [H1-1.3-07], hội đồng xét duyệt học sinh [H1-1.3-08], hội đồng xét tốt nghiệp Trung học cơ sở [H1-1.3-9].

b) Các đoàn thể và các hội đồng trong nhà trường hoạt động đúng theo quy định: Công đoàn hoạt động theo Điều lệ Công đoàn Việt Nam [H1-1.3-02]. Chi đoàn hoạt động theo Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh [H1-1.3-04]. Liên Đội hoạt động theo Điều lệ Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh [H1-1.3-05].

c) Hằng năm, các tổ chức đoàn thể và các hội đồng trong nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động và đề ra giải pháp khắc phục tồn tại cho năm học tiếp theo [H1-1.3-02]; [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06]; [H1-1.3-07]; [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09].

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định. Chi bộ trường hiện có 20 đảng viên trực thuộc Đảng ủy phường An Phú Đông, Quận 12 và hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam [H1-1.3-10]; [H1-1.3-11]. Từ năm 2015 đến năm 2017 chi bộ trường đạt danh hiệu “trong sạch - vững mạnh” [H1-1.3-12]. Năm 2018 chi bộ trường được đề nghị đạt danh hiệu “hoàn thành tốt nhiệm vụ” [H1-1.3-13].

b) Các đoàn thể, tổ chức phối hợp chặt chẽ với nhà trường, tích cực trong các hoạt động và đạt xếp loại ở mức cao nhất: Công đoàn đạt vững mạnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đạt vững mạnh, Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh đạt xuất sắc [H1-1.3-14].

Mức 3:

a) Từ năm 2015 đến năm 2017 chi bộ trường đạt danh hiệu “trong sạch - vững mạnh” [H1-1.3-12]. Năm 2018 chi bộ trường được đề nghị đạt danh hiệu “hoàn thành tốt nhiệm vụ” [H1-1.3-13].

b) Các đoàn thể, tổ chức có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường, tuy nhiên chưa đạt hiệu quả ở phạm vi cộng đồng [H1-1.3-14].

2. Điểm mạnh

Các đoàn thể và tổ chức trong nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, đóng góp tích cực, đạt hiệu quả, phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong các hoạt động.

3. Điểm yếu

Hoạt động của các đoàn thể, tổ chức chưa đạt hiệu quả ở phạm vi cộng đồng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục duy trì cơ cấu các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường, tiếp tục phát huy tính tích cực, hiệu quả hoạt động của các đoàn thể, tổ chức trong nhà trường. Các đoàn thể và tổ chức trong nhà trường xây dựng các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động đạt hiệu quả ở phạm vi cộng đồng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.

Mức 1:

- a) Có Hiệu trưởng, số lượng Phó Hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Năm học 2019-2020 Trường Trung học cơ sở An Phú Đông có 37 lớp nên có 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng do Ủy ban nhân dân Quận 12 bổ nhiệm [H1-1.4-01].

- b) Trường có 06 tổ chuyên môn: tổ Ngữ văn, tổ Toán, tổ Tiếng Anh, tổ Lý - Hóa - Sinh, tổ Sử - Địa - Giáo dục công dân, tổ Thể dục - Âm nhạc - Mỹ thuật,

tổ Công nghệ - Tin học và 01 tổ văn phòng, các tổ đều có tổ trưởng, tổ phó [H1-1.4-02].

c) Vào đầu năm học, căn cứ vào kế hoạch hoạt động của nhà trường, các tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng tháng, năm học và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định và Điều lệ trường trung học, các tổ thực hiện sinh hoạt định kỳ 02 lần/tháng để thảo luận, thống nhất các nội dung về chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục (đối với tổ chuyên môn), quản lý hồ sơ cán bộ - giáo viên - nhân viên và hỗ trợ các hoạt động của nhà trường (đối với tổ văn phòng) [H1-1.4-03].

Mức 2:

a) Hằng năm, các tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện 06 chuyên đề chuyên môn như “Một số giải pháp dạy Tiếng Việt lớp 6 hiệu quả” của môn Ngữ văn, “Hướng dẫn học sinh đọc và phân tích bản đồ trong tập bản đồ môn Địa lý lớp 8” và “Một số biện pháp nâng cao hiệu quả công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho học sinh Trung học cơ sở” của tổ Sử - Địa - Giáo dục công dân, “Vận dụng giáo dục STEM trong dạy học phần Điện lớp 9” của tổ Lý - Hóa - Sinh, ... Các chuyên đề góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05].

b) Mỗi học kỳ các tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện rà soát, đánh giá kết quả thực hiện hoạt động và đề ra giải pháp khắc phục tồn tại để điều chỉnh, bổ sung cho học kỳ tiếp theo [H1-1.4-06].

Mức 3:

a) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng hoạt động tích cực, các bộ môn đều đạt và vượt chỉ tiêu, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và các hoạt động trong nhà trường [H1-1.4-05].

b) Tổ chuyên môn thực hiện chuyên đề chuyên môn đạt hiệu quả, tỷ lệ học sinh lên lớp tăng hằng năm, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05]. Tuy nhiên năm học 2018-2019 tổ Toán và tổ Tiếng Anh thực hiện chuyên đề chuyên môn chưa đạt hiệu quả cao, do đó kết

quả học sinh thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông chưa đạt chỉ tiêu bộ môn [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

Trường có Hiệu trưởng và số lượng Phó Hiệu trưởng theo quy định, tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng tích cực, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và các hoạt động trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Năm học 2018-2019 tổ Toán và tổ Tiếng Anh thực hiện chuyên đề chuyên môn chưa đạt hiệu quả cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức các tổ chuyên môn và tổ văn phòng. Các tổ tiếp tục xây dựng kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định. Tiếp tục phát huy tính tích cực, hiệu quả của các tổ chuyên môn và tổ văn phòng trong các hoạt động để góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng chuyên môn tăng cường việc tham dự chuyên đề, dự giờ giáo viên tổ Toán và tổ Tiếng Anh để nắm bắt tình hình giảng dạy của tổ nhằm đánh giá, rút kinh nghiệm đồng thời có sự hỗ trợ và điều chỉnh chuyên môn kịp thời. Hiệu trưởng phân công Phó Hiệu trưởng chuyên môn phụ trách và định kỳ hằng tháng báo cáo kết quả thực hiện cho Hiệu trưởng.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.5: Lớp học.

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;*
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;*
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.*

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ các lớp của cấp học từ lớp 6 đến lớp 9, năm học 2019-2020 trường có 37 lớp, trong đó lớp 6 có 10 lớp, lớp 7 có 10 lớp, lớp 8 có 9 lớp và lớp 9 có 8 lớp [H1-1.5-01].

b) Học sinh được tổ chức theo lớp, lớp học được tổ chức theo quy định, mỗi lớp đều có 01 lớp trưởng và 02 lớp phó do tập thể lớp bầu ra vào đầu năm học, trong lớp học sinh thường được chia thành 04 tổ, mỗi tổ có 01 tổ trưởng và 01 tổ phó do các thành viên của tổ bầu ra vào đầu năm học [H1-1.5-02]; [H1-1.5-03]; [H1-1.5-04].

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ: Học sinh tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng nội quy lớp và các hoạt động của lớp, ban cán sự lớp chịu trách nhiệm quản lý lớp trong các tiết học [H1-1.5-02]; [H1-1.5-04].

Mức 2:

Năm học 2019-2020 trường có 37 lớp, sĩ số học sinh lớp 6 là 45 học sinh/lớp và sĩ số học sinh lớp 7, 8, 9 trung bình là 43 học sinh/lớp [H1-1.5-01].

Mức 3:

Năm học 2019-2020 trường có 37 lớp [H1-1.5-01]. Sĩ số học sinh lớp 6 là 45 học sinh/lớp và sĩ số học sinh lớp 7, 8, 9 trung bình là 43 học sinh/lớp [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các lớp của cấp học từ lớp 6 đến lớp 9. Học sinh được tổ chức theo lớp, lớp học được tổ chức theo quy định. Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

3. Điểm yếu

Sĩ số học sinh lớp 6 và lớp 9 của trường vượt quá 40 học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân quận về việc quy hoạch mạng lưới trường lớp nhằm thực hiện lộ trình chiến lược phát triển nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;*
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;*
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.*

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.*

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định của Luật Lưu trữ [H1-1.6-01].

b) Trường thực hiện đầy đủ việc lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản [H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]. Niêm yết công khai và định kỳ hằng năm tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H1-1.6-02]. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-04].

c) Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích theo quy chế chi tiêu nội bộ của trường và kế hoạch hoạt động tài chính, có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục và được Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá tốt [H1-1.6-04]; [H1-1.6-05].

Mức 2:

a) Nhà trường thường xuyên ứng dụng công nghệ thông tin và phần mềm quản lý tài chính, tài sản trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản, được Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá đạt hiệu quả [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.6-05].

Mức 3:

Nhà trường chưa có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

2. Điểm mạnh

Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định của Luật lưu trữ. Thực hiện niêm yết công khai và định kỳ hằng năm tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành.

Ứng dụng công nghệ thông tin và phần mềm hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021 và các năm học tiếp theo, kế toán tham mưu cho Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn trình cấp quản lý để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên như bồi dưỡng về trình độ chuyên môn, trình độ tin học, ngoại ngữ, bồi dưỡng giáo viên chủ nhiệm, giáo viên phụ trách tham vấn học đường, giáo viên phụ trách công nghệ thông tin, tuy nhiên kế hoạch thường bị động do có kế hoạch đột xuất của cấp trên phối hợp mở lớp bồi dưỡng [H1-1.7-01]; H1-1.7-02].

b) Hiệu trưởng thực hiện phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý dựa trên năng lực, điều kiện hoàn cảnh nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động kịp thời phân công chuyên môn khi có giáo viên nghỉ hộ sản [H1-1.7-03]; [H1-1.7-04].

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 32 Điều lệ trường trung học và các văn bản hiện hành khác [H1-1.6-04]; [H1-1.7-05].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện phân công nhiệm vụ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phù hợp với sở trường và năng lực để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.4-05]; [H1-1.7-01]; [H1-1.7-03].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hằng năm. Thực hiện phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường. Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

3. Điểm yếu

Kế hoạch thường bị động do có kế hoạch đột xuất của cấp trên phối hợp mở lớp bồi dưỡng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, tham khảo lịch bồi dưỡng của trường Bồi dưỡng giáo dục quận.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Vào đầu năm học, căn cứ vào kế hoạch của Phòng Giáo dục và Đào tạo, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục năm học và cụ thể hóa nội dung, thời gian thực hiện theo từng tháng phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường [H1-1.7-01].

b) Nhà trường thực hiện đầy đủ các nội dung trong kế hoạch giáo dục như đã đề ra từ đầu năm học [H1-1.1-05]; [H1-1.7-04]; [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H1-1.8-03]; [H1-1.8-04].

c) Mỗi học kỳ nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch giáo dục và đề ra giải pháp khắc phục tồn tại để điều chỉnh, bổ sung cho học kỳ tiếp theo [H1-1.8-03].

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá đạt hiệu quả [H1-1.8-04]. Nhà trường thực hiện dạy học 01 buổi/ ngày đối với tất cả học sinh nên có tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường, việc quản lý dạy thêm ngoài nhà trường không thể kiểm tra hết do giáo viên ở nhiều quận khác nhau [H1-1.8-01]; [H1-1.8-05].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục được xây dựng phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường. Kế hoạch được thực hiện đầy đủ và được rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu

Việc quản lý dạy thêm ngoài nhà trường không thể kiểm tra hết do giáo viên ở nhiều quận khác nhau.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tuyên truyền cho giáo viên về quy định việc dạy thêm ngoài nhà trường và đề ra tiêu chí thi đua về vi phạm dạy thêm sai quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến theo đúng quy định, tuy nhiên ý kiến thảo luận và

đóng góp chưa được nhiều do cán bộ, giáo viên, nhân viên còn ngại phát biểu [H1-1.1-05]; [H1-1.9-01].

b) Nhà trường đã giải quyết các kiến nghị, phản ánh của giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh nên không xảy ra khiếu nại, tố cáo [H1-1.4-05]; [H1-1.9-02].

c) Định kỳ hằng quý, 06 tháng, 09 tháng và hằng năm, Hiệu trưởng báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đầy đủ, theo đúng thời gian quy định [H1-1.9-03]; [H1-1.9-04].

Mức 2:

Hiệu trưởng phối hợp với công đoàn đề ra biện pháp giám sát và phân công Ban thanh tra nhân dân có cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở của nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.9-05].

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến theo đúng quy định khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường. Các kiến nghị, phản ánh được nhà trường giải quyết theo đúng thẩm quyền và đúng pháp luật quy định.

Cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở của nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

3. Điểm yếu

Ý kiến thảo luận và đóng góp chưa được nhiều do cán bộ, giáo viên, nhân viên còn ngại phát biểu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng khuyến khích, đề nghị giáo viên, nhân viên tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến về kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng xây dựng phương án đảm bảo an ninh trật tự đồng thời phối hợp với công an và dân quân phường An Phú Đông để thực hiện đạt hiệu quả [H1-1.10-01]; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; đảm bảo an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-03]; an toàn phòng, chống cháy, nổ [H1-1.10-04]; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-05]; phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-06]; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-07]. Nhà trường không tổ chức bán trú nên không bố trí bếp ăn.

b) Hiệu trưởng bố trí hộp thư góp ý ở gần cổng chính nhà trường, công khai số điện thoại của cán bộ quản lý, kế hoạch tiếp công dân để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân [H1-1.10-08]. Nhà trường được sự hỗ trợ của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân phường đồng thời phối hợp với công an phường An Phú Đông đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường [H1-1.10-09]. Hộp thư góp ý của nhà trường chưa được người dân tham gia nhiều chỉ phản ánh qua điện thoại của Hiệu trưởng.

c) Nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.4-05].

Mức 2:

a) Hằng năm, nhà trường mời báo cáo viên để tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-10].

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập thông tin liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự thông qua Tổng phụ trách Đội và lực lượng sao đỏ để có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H1-1.10-11].

2. Điểm mạnh

Hằng năm, nhà trường xây dựng phương án và mời báo cáo viên để tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự và an toàn trường học.

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, phản ánh của giáo viên, nhân viên, phụ huynh và học sinh; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

Nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới.

3. Điểm yếu

Hộp thư góp ý của nhà trường chưa được người dân tham gia nhiều vì phần lớn phản ánh qua điện thoại của Hiệu trưởng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tăng cường công tác tuyên truyền ý nghĩa hộp thư góp ý của nhà trường để nâng cao nhận thức và thu hút nhiều người dân tham gia.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật:

Chiến lược phát triển nhà trường được xây dựng phù hợp với các nguồn lực của nhà trường và được công bố công khai.

Hội đồng trường được thành lập theo quy định, thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định, hoạt động tích cực, đạt hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Các đoàn thể và tổ chức trong nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định, đóng góp tích cực trong các hoạt động, phối hợp chặt chẽ với nhà trường và hoạt động đạt hiệu quả.

Ứng dụng công nghệ thông tin và phần mềm hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường. Nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến theo đúng quy định khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

Cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở của nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

Nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới.

Điểm yếu cơ bản:

Hiệu trưởng xây dựng giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển chưa có sự tham gia của cộng đồng.

Sĩ số học sinh lớp 6 và lớp 9 của trường vượt quá 40 học sinh.

Hiệu trưởng chưa xây dựng kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10.

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ đào tạo trên chuẩn, được bồi dưỡng, tập huấn đầy đủ về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm cao. Đội ngũ giáo viên có năng lực, tinh thần trách nhiệm cao đảm bảo cho việc thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường, đạt chuẩn trình độ đào tạo và chuẩn nghề nghiệp. Nhân viên được phân công phù hợp với công việc, hợp lý theo năng lực. Số lượng học sinh đảm bảo về tuổi đi học và được đảm bảo các quyền theo quy định.

Tiêu chí 2.1: Đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng đạt các yêu cầu theo quy định Điều lệ trường trung học: trình độ đào tạo, chuyên môn, lý luận chính trị, bồi dưỡng quản lý, đủ sức khỏe [H2-2.1-01].

b) Hằng năm, Hiệu trưởng được Trường phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12 đánh giá đạt mức “xuất sắc” và Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng đánh giá đạt mức “xuất sắc” [H2-2.1-02].

c) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn đầy đủ về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định [H2-2.1-03].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm tự đánh giá, Hiệu trưởng được Trường phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12 đánh giá đạt mức “xuất sắc” và Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng đánh giá đạt mức “xuất sắc” [H2-2.1-02].

b) Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định, được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm cao [H2-2.1-03]; [H2-2.1-04]. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng chưa tham gia lớp cao cấp chính trị.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Hiệu trưởng được Trường phòng Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12 đánh giá đạt mức “xuất sắc” và Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng đánh giá đạt mức “xuất sắc” [H2-2.1-02].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có trình độ đào tạo trên chuẩn, được bồi dưỡng, tập huấn đầy đủ về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

3. Điểm yếu

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng chưa tham gia lớp cao cấp chính trị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021, Hiệu trưởng tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân quận về việc nâng cao trình độ về lý luận chính trị cho cán bộ quản lý, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng luân phiên tham gia lớp cao cấp chính trị.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó

khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2019-2020, trường có 67 giáo viên, đảm bảo cho việc thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường [H1-1.7-03].

b) Năm học 2019-2020, 100% giáo viên của trường đạt chuẩn trình độ theo quy định Điều lệ trường trung học [H2-2.2-01].

c) Trong 5 năm liên tiếp trường có 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên trở lên H2-2.2-02].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp [H2-2.2-01].

Trình độ Năm học	Trên chuẩn
2014-2015	88,89%
2015-2016	88,70%
2016-2017	87,93%
2017-2018	87,93%
2018-2019	90,77%

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, 100% giáo viên của trường đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức trung bình trở lên, trong đó trên 70% giáo viên ở mức khá trở lên [H2-2.2-04].

Xếp loại Năm học	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Ghi chú

2014-2015	53	10	00	
2015-2016	51	11	00	
2016-2017	51	07	00	
2017-2018	52	05	00	
2018-2019	56	05	00	

c) Giáo viên của trường có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh [H1-1.8-03]; giáo viên hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học đạt giải cấp Quận [H2-2.2-03]. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường không có giáo viên bị kỷ luật [H1-1.4-05].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trên 70% giáo viên của trường đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá và mức xuất sắc trở lên [H2-2.2-02].

b) Trường chưa có giáo viên thực hiện báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

2. Điểm mạnh

Trường có tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp.

Trên 70% giáo viên của trường đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá và mức xuất sắc trở lên.

3. Điểm yếu

Trường chưa có giáo viên thực hiện báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng phối hợp với công đoàn động viên, khuyến khích, tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ về tài chính cho giáo viên có năng lực thực hiện báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

a) Các nhân viên của trường đảm nhiệm đủ được các nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công như kế toán, văn thư, thủ quỹ, y tế, thư viện, ... [H1-1.7-03].

b) Nhân viên được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ và năng lực thực tế của mỗi người [H1-1.7-03].

c) Nhân viên của trường hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, được Hiệu trưởng đánh giá hằng năm [H2-2.3-01].

Mức 2:

a) Nhà trường có đủ số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định: kế toán, văn thư, thủ quỹ, y tế, thư viện, thiết bị, thực hành thí nghiệm, công nghệ thông tin [H1-1.7-03].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm tự đánh giá, trường không có nhân viên bị kỷ luật [H1-1.4-05].

Mức 3:

a) Các nhân viên của trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: Nhân viên kế toán, văn thư trình độ trung cấp, thủ quỹ đạt trình độ đại học, nhân viên thư viện đạt trình độ cao đẳng, nhân viên y tế đạt trình độ trung cấp, nhân viên thiết bị chưa có trình độ trung cấp [H2-2.2-01].

b) Các nhân viên của trường được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm [H2-2.3-03].

2. Điểm mạnh

100% nhân viên của trường hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, trường không có nhân viên bị kỷ luật.

3. Điểm yếu

Nhân viên thiết bị nhà trường chưa có trình độ trung cấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Do hiện nay các cấp quản lý chưa mở lớp đào tạo trung cấp thiết bị, thực hành thí nghiệm nên trường bị động trong công tác bồi dưỡng, nên phải chờ Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh liên kết mở lớp thì Hiệu trưởng sẽ phân công nhân viên thiết bị tham gia để đạt trình độ theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh.

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Tất cả học sinh của trường đều đảm bảo về độ tuổi theo quy định của Điều lệ trường trung học, học sinh lớp 6 là 11 tuổi, lớp 7 là 12 tuổi, lớp 8 là 13 tuổi và lớp 9 là 14 tuổi, không có trường hợp học trước tuổi và trễ tuổi theo quy định [H2-2.4-01].

b) Học sinh của trường thực hiện tốt các nhiệm vụ theo nội quy học sinh nhà trường triển khai đầu năm học và theo Điều lệ trường trung học [H2-2.4-02].

c) 100% học sinh của trường được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 39 Điều lệ trường trung học, quy định khác của pháp luật [H1-1.4-05]; [H2-2.4-03].

Mức 2:

Nhà trường phát hiện kịp thời học sinh vi phạm nội quy và áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp như thực hiện tuyên truyền, giáo dục vào các tiết sinh hoạt chào cờ đầu tuần, đồng thời đề nghị giáo viên chủ nhiệm hằng tuần nắm tình hình học tập, nề nếp, trật tự, kỷ luật của lớp chủ nhiệm, các em đều có chuyển biến tích cực tuy nhiên còn học sinh thực hiện chưa tốt nội quy như vi phạm đồng phục, tác phong, trật tự, đi học trễ, ... [H2-2.4-02].

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện tốt được tuyên dương trước sân trường, khen thưởng kịp thời tác động tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường [H2-2.4-04].

2. Điểm mạnh

Tất cả học sinh của trường đều đảm bảo về độ tuổi theo quy định, 100% học sinh của trường được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường trung học, Luật trẻ em và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Điểm yếu

Còn học sinh thực hiện chưa tốt nội quy như vi phạm đồng phục, tác phong, trật tự, đi học trễ, ...

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2020-2021 và các năm học tiếp theo Hiệu trưởng phân công cho Tổng phụ trách và Bí thư Chi đoàn tăng cường thực hiện tuyên truyền, giáo dục học sinh vào các tiết sinh hoạt chào cờ đầu tuần, đồng thời đề nghị giáo viên chủ nhiệm hằng tuần nắm tình hình học tập, nề nếp, trật tự, kỷ luật của lớp chủ nhiệm để kịp thời tuyên dương học sinh thực hiện tốt và nhắc nhở, có biện pháp giáo dục phù hợp đối với học sinh vi phạm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật:

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng có trình độ đào tạo trên chuẩn, được bồi dưỡng, tập huấn đầy đủ về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần.

Trên 70% giáo viên của trường đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá và mức xuất sắc trở lên.

Nhà trường không có giáo viên và nhân viên bị kỷ luật.

Tất cả học sinh của trường đều đảm bảo về độ tuổi theo quy định, 100% học sinh của trường được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật.

Điểm yếu cơ bản:

Trường chưa có giáo viên thực hiện báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường có khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. Sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao. Có đủ phòng học đảm bảo cho việc dạy học 01 buổi/ ngày,

phòng học bộ môn và các phòng chức năng theo quy định. Khu để xe của trường được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự. Trường có khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường. Trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ tốt các hoạt động của nhà trường. Hằng năm thư viện nhà trường đều được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, ... đảm bảo phục vụ cho hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập.

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Khuôn viên của trường với tổng diện tích là 6735,3 m², cảnh quan sư phạm và môi trường luôn xanh, sạch, đẹp đảm bảo an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-01].

b) Trường có cổng, biển tên trường, có tường rào dài 350 m bao quanh với nhiều cây xanh, cách biệt với các khu vực xung quanh [H3-3.1-02].

c) Nhà trường có khu sân chơi, bãi tập với diện tích 3500 m² gồm sân tập bóng đá, bóng rổ, bóng chuyền và cầu lông cùng với thiết bị đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường [H3-3.1-03].

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập của trường đáp ứng tốt yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục: hoạt động ngoài giờ lên lớp, phong trào thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ, trại truyền thống, ... [H3-3.1-03].

Mức 3:

Trường có tổng diện tích là 6735,3 m², đạt 4,5m²/học sinh [H3-3.1-01]. Sân chơi, bãi tập của trường với diện tích 3500 m², đạt 52% tổng diện tích sử dụng của trường [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Trường có khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. Sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Diện tích khu đất của nhà trường chỉ đạt 4,5 m²/học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tham mưu với Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân quận về việc giảm sĩ số học sinh theo lộ trình từng năm để đảm bảo diện tích theo tiêu chuẩn quy định..

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập.

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tâm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn-Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có đủ phòng học đảm bảo cho việc dạy học 01 buổi/ngày cho tất cả học sinh, trong mỗi phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

b) Nhà trường có đủ các phòng học bộ môn theo quy định: phòng Vật lý, phòng Hóa học, phòng Sinh học, phòng Tin học, phòng Âm nhạc, phòng Mỹ thuật, phòng Công nghệ [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

c) Nhà trường có phòng hoạt động Đoàn-Đội, thư viện và phòng truyền thống [H3-3.2-02]; [H3-3.2-04].

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Tiêu chuẩn quốc gia 8794 : 2011 Trường trung học – yêu cầu thiết kế năm 2011; Quyết định số 37/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về phòng học bộ môn, thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

b) Khôi phục vụ học tập đầy đủ: khu vực tập luyện, thi đấu thể dục thể thao, thư viện, phòng Đoàn- đội, phòng truyền thông, khu vực tiên sảnh đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định [H3-3.2-02].

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định [H3-3.2-01]; [H3-3.2-03]. Đến năm học 2018-2019 trường có 03 học sinh khuyết tật, trong đó 01 học sinh lớp 6 tật vận động và 02 học sinh lớp 7, lớp 8 tật trí tuệ, tuy nhiên trường chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho các em.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng học đảm bảo cho việc dạy học 01 buổi/ngày cho tất cả học sinh. Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, có đủ các thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho các em học sinh khuyết tật.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021 Hiệu trưởng tham mưu Phòng Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân quận về việc sửa chữa phòng phù hợp để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh khuyết tật, hoàn cảnh đặc biệt.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính-quản trị.

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính-quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính-quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính-quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính-quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Khối hành chính - quản trị nhà trường có đủ phòng của các bộ phận, đáp ứng yêu cầu cho các hoạt động hành chính và quản trị của nhà trường [H3-3.2-02]; [H3-3.3-01].

b) Trường có khu vực để xe riêng cho học sinh và cán bộ, giáo viên, nhân viên, khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.3-02].

c) Nhà trường hợp đồng với doanh nghiệp dịch vụ định kỳ hằng tháng thực hiện kiểm tra, sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị [H3-3.3-03].

Mức 2:

Khối hành chính-quản trị của trường gồm: phòng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, văn phòng, phòng hội đồng giáo viên, phòng nghỉ giáo viên, phòng công đoàn, phòng y tế, phòng bảo vệ, kho được xây dựng theo quy định; trường không tổ chức bán trú nên không có khu bếp, nhà ăn của học sinh riêng biệt, chỉ có căn tin sạch sẽ đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho học sinh [H3-3.2-02]; [H3-3.3-01].

Mức 3:

Khối hành chính-quản trị nhà trường có đầy đủ các thiết bị, hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường, tuy nhiên việc sắp xếp các thiết bị còn chưa hợp lý, khoa học [H3-3.3-01].

2. Điểm mạnh

Khối hành chính-quản trị của trường được xây dựng theo quy định, có đầy đủ các thiết bị, định kỳ được kiểm tra, sửa chữa, bổ sung, đáp ứng yêu cầu và hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu

Việc sắp xếp các thiết bị trong khối hành chính – quản trị còn chưa hợp lý, khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021 Hiệu trưởng phân công Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất hướng dẫn bộ phận thiết bị sắp xếp các thiết bị cho hợp lý, khoa học và định kỳ hằng quý kiểm tra đồng thời báo cáo cho Hiệu trưởng kết quả thực hiện để có nhắc nhở và chấn chỉnh kịp thời.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo sạch sẽ, không ô nhiễm môi trường, sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H3-3.2-02]; [H3-3.4-01].

b) Nhà trường có hệ thống thoát nước đấu nối với hệ thống thoát nước chung của phường đảm bảo thoát hết nước mưa, nước thải, không ứ đọng xung quanh trường, lớp, không gây ô nhiễm môi trường [H3-3.4-06]. Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng và sinh hoạt cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.4-03]; [H3-3.4-04]; [H3-3.4-05]; Nước

uống của học sinh là nước uống đã được qua hệ thống xử lý nước tinh khiết và đạt chuẩn chất lượng [H3-3.4-03].

c) Nhà trường hợp đồng với công ty dịch vụ công ích để thu gom rác đảm bảo vệ sinh môi trường nhưng vẫn còn bị động do đơn vị thu gom rác của công ty công ích Quận 12 [H3-3.4-06]; và trường hợp đồng với trạm y tế phường An Phú Đông để gửi và xử lý rác thải y tế [H3-3.4-07].

Mức 2:

a) Khu vệ sinh của trường được xây dựng cách biệt với các khu vực khác, đảm bảo thuận tiện, phù hợp với cảnh quan và theo quy định [H3-3.2-02]; [H3-3.4-01].

b) Hệ thống cấp nước sạch, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế [H3-3.4-04]; [H3-3.4-05]; [H3-3.4-06]; [H3-3.4-07]; Trường có bố trí các thùng đựng và phân loại rác thải, khu tập trung rác được bố trí cách biệt, không để rác thải tồn đọng trong khu vực trường [H3-3.4-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch, đạt chuẩn chất lượng đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng và sinh hoạt cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Hệ thống cấp nước sạch, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

3. Điểm yếu

Hệ thống thu gom rác nhà trường còn bị động bởi đơn vị thu gom rác của công ty công ích chưa đều hàng ngày.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021 và các năm học tiếp theo Hiệu trưởng kiến nghị với đơn vị chủ quản thu gom rác và ràng buộc về thu gom rác liên tục hàng ngày.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị.

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác đảm bảo cho việc phục vụ tốt các hoạt động của nhà trường [H3-3.5-01].

b) Nhà trường trang bị định kỳ đầu năm và giữa năm đầy đủ các thiết bị dạy học như tranh ảnh, bản đồ, mô hình, máy cassette, đĩa CD, đĩa VCD, dụng cụ, ... đáp ứng yêu cầu danh mục thiết bị tối thiểu theo quy định [H3-3.5-01].

c) Hằng tháng nhà trường thực hiện kiểm kê, sửa chữa, bổ sung các thiết bị văn phòng [H3-3.5-02]; [H3-3.3-03]; cuối học kỳ 1 và đầu năm học bộ phận thiết bị tiến hành kiểm kê và sửa chữa, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học [H3-3.5-03].

Mức 2:

a) Trường hiện có 102 máy tính, trong đó 12 máy phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy, nghiên cứu của cán bộ, giáo viên, nhân viên và 90 máy phục

vụ cho việc học tập của học sinh đều được kết nối Internet đảm bảo tốt phục vụ công tác quản lý và hoạt động dạy học [H3-3.5-04].

b) Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học tối thiểu, giáo viên tự làm đồ dùng dạy học đáp ứng yêu cầu theo quy định [H3-3.5-01]; [H3-3.5-05]; [H3-3.5-06].

c) Sau mỗi học kỳ nhà trường thực hiện mua sắm bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm của giáo viên [H3-3.5-03]; [H3-3.5-06].

Mức 3:

Các phòng thí nghiệm, thực hành của trường có đủ thiết bị, đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả [H3-3.5-01]. Các thiết bị dạy học được sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, các thiết bị dạy học tự làm còn ít và chưa được sử dụng hiệu quả. [H1-1.4-05]; [H3-3.5-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị dạy học theo quy định, hằng năm thực hiện kiểm kê, sửa chữa, bổ sung các thiết bị. Các thiết bị dạy học được sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Các thiết bị dạy học tự làm còn ít và chưa được sử dụng hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng phát huy tính hiệu quả của giáo viên trong việc sử dụng các thiết bị dạy học, xây dựng kế hoạch và tổ chức hội thi làm đồ dùng dạy học tự làm và sử dụng trong hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp quận và trong giảng dạy để nâng cao số lượng và chất lượng sử dụng của đồ dùng dạy học tự làm.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.6: Thư viện.

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Thư viện của nhà trường được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo đảm bảo phục vụ tốt hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của toàn thể nhà trường [H3-3.6-01].

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng tốt yêu cầu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh: có niêm yết lịch hoạt động, giới thiệu sách mới, tổ chức hội thi lớn lên cùng sách [H3-3.6-02]; [H3-3.6-03]; [H3-3.6-04].

c) Hằng quý thư viện trường được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo [H3-3.6-03]; [H3-3.6-05]; [H3-3.6-06].

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến [H3-3.6-07].

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến [H3-3.6-07]. Thư viện có 01 máy tính và được kết nối Internet, tuy nhiên số lượng máy tính còn ít nên chưa đáp ứng tốt nhu cầu nghiên cứu của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.6-02].

2. Điểm mạnh

Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh.

Hằng năm nhà trường thực hiện kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo cho thư viện.

3. Điểm yếu

Số lượng máy tính của thư viện còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch phân đầu đạt Thư viện xuất sắc và xin chủ trương của Ủy ban nhân dân quận để mua bổ sung thêm 05 máy tính cho thư viện nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường có đủ phòng học đảm bảo cho việc dạy học 01 buổi/ngày cho tất cả học sinh. Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, có đủ các thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường.

Hệ thống cấp nước sạch, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị dạy học theo quy định, hằng năm thực hiện kiểm kê, sửa chữa, bổ sung các thiết bị. Các thiết

bị dạy học được sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến.

Điểm yếu cơ bản:

Các thiết bị dạy học tự làm còn ít và chưa được sử dụng hiệu quả.

Số lượng máy tính của thư viện còn ít.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo quy định; phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh. Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường và để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân được thực hiện đồng bộ để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp

luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm 11 thành viên: 01 trưởng ban, 02 phó trưởng ban và 08 ủy viên [H4-4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ học sinh xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm học đề ra phương hướng nhiệm vụ và các giải pháp hỗ trợ, phối hợp với nhà trường [H4-4.1-02].

c) Ban đại diện cha mẹ học sinh tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động theo đúng tiến độ đề ra [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp chặt chẽ và có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục [H4-4.1-03]; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03]; Hỗ trợ nhà trường trong việc vận động học sinh có hoàn cảnh khó khăn tiếp tục đi học [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04]; [H4-4.1-05].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, tuy nhiên hiệu quả hoạt động ở phạm vi xã hội chưa như mong muốn [H4-4.1-03].

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo quy định; phối hợp chặt chẽ và có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Hiệu quả hoạt động ở phạm vi xã hội của Ban đại diện cha mẹ học sinh chưa như mong muốn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục tạo điều kiện cho Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo quy định để cùng nhau xây dựng giải pháp hoạt động đạt hiệu quả ở phạm vi xã hội.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường chủ động tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền phường, quận để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường [H4-4.2-01].

b) Nhà trường tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của ngành Giáo dục [H4-4.2-02]; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường thông qua các buổi họp hội đồng, họp chi bộ, tiết sinh hoạt chào cờ đầu tuần, các hoạt động ngoài giờ lên lớp, ... [H4-4.2-02].

c) Nhà trường huy động và sử dụng kinh phí các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định như kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh, nguồn hoạt động khuyến học và nguồn tài trợ giáo dục từ các công ty, mạnh thường quân [H4-4.2-03].

Mức 2:

a) Nhà trường chủ động tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển đạt chuẩn quốc gia [H4-4.2-01].

b) Công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương được nhà trường thực hiện đồng bộ và chặt chẽ để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh [H4-4.2-02]; chăm sóc di tích lịch sử tượng đài chiến khu An Phú Đông [H4-4.2-02]; chi đoàn trường tổ chức cùng với học sinh chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương [H4-4.2-02].

Mức 3:

Nhà trường chưa tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

2. Điểm mạnh

Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường và để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định. Công tác phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân được thực hiện đồng bộ và chặt chẽ để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục chủ động tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật:

Ban đại diện cha mẹ học sinh được thành lập và hoạt động theo quy định; phối hợp chặt chẽ và có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục.

Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường và để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Nhà trường huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Điểm yếu cơ bản:

Hiệu quả hoạt động ở phạm vi xã hội của Ban đại diện cha mẹ học sinh chưa như mong muốn.

Nhà trường chưa thường xuyên tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02.

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục. Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch, phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn. Xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường với các hình thức phong phú phù hợp và đạt kết quả thiết thực. Xây dựng kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương. Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển. Kết quả học lực, hạnh kiểm, tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp của học sinh có nhiều chuyên biến tích cực. Công tác định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông.

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Vào đầu năm học, căn cứ vào kế hoạch thời gian năm học của Ủy ban nhân dân thành phố, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục năm học và tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục [H1-1.4-05]; [H1-1.8-03].

b) Giáo viên của trường vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin để tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường [H1-1.8-03]; Qua đó, học sinh được bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H5-5.1-01].

c) Nhà trường thực hiện các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh theo đúng quy định, đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả, nội dung kiểm tra đảm

bảo tính chính xác, câu hỏi rõ ràng, nội dung các câu hỏi theo tiến độ bài dạy ở kỳ kiểm tra và sát với chuẩn kiến thức kỹ năng của chương trình, chú trọng tăng cường câu hỏi vận dụng, câu hỏi liên hệ với thực tiễn cuộc sống [H1-1.4-05]; [H1-1.8-03]; [H5-5.1-02].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục [H1-1.8-03]; giáo viên lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh [H1-1.4-05]; [H1-1.8-03]; [H5-5.1-01].

b) Vào đầu năm học, căn cứ vào kết quả và thành tích đạt được của học sinh ở năm học trước, nhà trường lập danh sách học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện để lên kế hoạch và thực hiện bồi dưỡng, phụ đạo học sinh [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá kết quả thực hiện việc tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh, tuy nhiên việc thực hiện chưa đi vào chiều sâu, chưa phân tích nhiều hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp [H1-1.4-05]; [H1-1.8-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục. Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

3. Điểm yếu

Việc rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường chưa đi vào chiều sâu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021 và các năm học tiếp theo sau mỗi học kỳ Hiệu trưởng tổ chức công tác rà soát, đánh giá kết quả thực hiện việc tổ chức các hoạt động giáo dục cụ thể hơn, phân tích kỹ và sâu hơn hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Vào đầu năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch phụ đạo cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện và kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu [H1-1.8-01]; [H5-5.1-03]; [H5-5.1-04].

b) Nhà trường tổ chức thực hiện phụ đạo cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu theo đúng kế hoạch đề ra [H1-1.1-05]; [H1-1.5-02]; [H1-1.8-01]; [H5-5.2-01].

c) Sau mỗi học kỳ nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động phụ đạo và bồi dưỡng học sinh [H1-1.4-05]; [H1-1.8-01].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, thành lập đội tuyển học sinh giỏi trường, tham gia đội tuyển học sinh giỏi quận, phụ đạo học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch [H1-1.4-05]; [H1-1.8-01]; [H2-2.4-04].

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận: Năm học 2018-2019 trường có 19 học sinh giỏi Cấp quận và 8 học sinh giỏi Cấp thành phố, thi nghiên cứu khoa học đạt giải III cấp quận, thi khéo tay kỹ thuật đạt 02 học sinh cấp quận, thi thể dục cổ động đạt giải III cấp quận, thi thể dục thể thao đạt 03 huy chương vàng, 04 huy chương bạc và 04 huy chương đồng cấp quận, đạt 02 huy chương vàng, 01 huy chương bạc và 02 huy chương đồng cấp thành phố, thi nét vẽ xanh đạt 01 giải II và 02 giải khuyến khích cấp quận, thi an toàn giao thông đạt 01 giải III cấp quận, thi học sinh thành phố với pháp luật đạt 01 giải khuyến khích, tuy nhiên số lượng học sinh giỏi cấp thành phố các môn văn hóa đạt chưa cao [H1-1.4-05]; [H2-2.4-04]; [H5-5.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện và thực hiện rà soát, đánh giá hằng năm. Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh giỏi cấp thành phố các môn văn hóa đạt chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện và thực hiện rà soát, đánh giá hằng năm; tăng cường công tác đánh giá, rút kinh nghiệm qua từng đợt dạy bồi dưỡng của giáo viên, chú trọng, phân tích sâu những nội dung chưa đạt hiệu quả để tìm giải pháp khắc phục cho đợt dạy tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định.

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện nội dung giáo dục địa phương ở các môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân, Công nghệ, Âm nhạc, Mỹ thuật cho học sinh theo kế hoạch [H1-1.8-01]; [H5-5.3-01].

b) Nhà trường thực hiện các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả như bài thu hoạch, sản phẩm, báo cáo,... [H1-1.4-05]; [H1-1.8-03].

c) Sau mỗi học kỳ nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, nội dung giáo dục địa phương, nhưng tư liệu giáo dục địa phương chưa phong phú, giáo viên phải sưu tầm nhiều nơi, ... [H1-1.4-05]; [H1-1.8-03].

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn như giáo dục di tích lịch sử, di sản văn hóa, địa lý thành phố Hồ Chí Minh, làng nghề địa phương, ... [H1-1.4-05]; [H1-1.8-03].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện nội dung giáo dục địa phương cho học sinh theo kế hoạch, các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả.

3. Điểm yếu

Nguồn tài liệu giáo dục địa phương chưa phong phú

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng phân công Phó Hiệu trưởng chuyên môn và giáo viên thực hiện rà soát, đánh giá nội dung giáo dục địa phương sưu tầm nhiều tài liệu phong phú hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp.

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Vào đầu năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường được tổ chức thông qua các hoạt động ngoại khóa, hoạt động ngoài giờ lên lớp, ... hoạt động tham quan hướng nghiệp được tổ chức 01 lần/học kỳ cho học sinh lớp 9 [H5-5.4-01];

b) Nhà trường tổ chức được các hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường, hướng nghiệp phân luồng học sinh theo đúng kế hoạch đề ra trong năm học [H1-1.4-05]; [H5-5.4-02].

c) Nhà trường phân công giáo viên có năng lực, có kinh nghiệm đồng thời huy động giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và nhân viên trong nhà trường tham gia hỗ trợ các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp an toàn [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02].

Mức 2:

a) Nhà trường tổ chức được các hoạt động trải nghiệm: trải nghiệm khoa học trong chính khóa và ngoại khóa, trải nghiệm với ngành nghề, trải nghiệm tiết học khoa học kỹ thuật, với các hình thức phong phú phù hợp và đạt kết quả thiết thực, nhưng công tác hướng nghiệp học sinh chưa tham gia 100% [H1-1.4-05]; [H5-5.4-02].

b) Sau mỗi học kỳ nhà trường thực hiện rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhằm rút kinh nghiệm về công tác tổ chức, nội dung, hình thức [H1-1.4-05]; [H1-1.8-03]; [H5-5.4-01].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường, các hình thức tổ chức phong phú phù hợp và đạt kết quả thiết thực. Phân công giáo viên có năng lực đồng thời huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

3. Điểm yếu

Công tác hướng nghiệp học sinh chưa tham gia 100% do điều kiện của địa phương còn khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp tuyên truyền và vận động cha mẹ học sinh về tầm quan trọng công tác hướng nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh.

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Vào đầu năm học nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh 02 tiết/ tháng do giáo viên chủ nhiệm phụ trách, ngoài ra, nhà trường còn thực hiện tích hợp, lồng ghép hoạt động giáo dục kỹ năng

sống thông qua các môn học trên lớp, hoạt động ngoại khóa, hoạt động ngoài giờ lên lớp và mời báo cáo viên thực hiện 02 chuyên đề/học kỳ cho học sinh, nội dung giáo dục phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương [H5-5.5-01]; [H5-5.5-02]; [H5-5.5-03].

b) Thông qua quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật học sinh có chuyển biến tích cực: 100% học sinh của trường thực hiện nghiêm túc Luật Giao thông đường bộ, không có học sinh vi phạm giao thông, tệ nạn xã hội, năm học 2018-2019 học sinh thi an toàn giao thông đạt 01 Giải III Cấp quận [H1-1.4-05]; [H1-1.5-02]; [H5-5.2-02].

c) Thông qua hoạt động giáo dục kỹ năng sống, đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành về cách cư xử có văn hóa, đoàn kết, thân ái, giúp đỡ bạn bè, có kỷ luật, giữ vệ sinh, ... phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam [H1-1.4-05]; [H1-1.5-02].

Mức 2:

a) Thông qua các hoạt động giáo dục, giáo viên hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của bản thân nhằm điều chỉnh cho phù hợp với quy định [H1-1.4-05]; [H1-1.5-02]; [H1-1.8-03].

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển thông qua hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nhận thức, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng ứng phó, kiểm chế, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm ứng dụng vào cuộc sống hàng ngày của bản thân cũng như gia đình [H1-1.4-05]; [H1-1.8-03].

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo hướng dẫn của giáo viên [H2-2.2-03]. Tuy nhiên số lượng học sinh tham gia nghiên cứu khoa học chưa nhiều và kết quả đạt được mới chỉ ở cấp quận.

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch và tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa

phương. Học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục, đạo đức, lối sống và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước được hình thành, phát triển.

3. Điểm yếu

Số lượng học sinh tham gia nghiên cứu khoa học chưa nhiều và kết quả đạt được mới chỉ ở cấp quận.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2020-2021 và các năm học tiếp theo Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng chuyên môn tiếp tục tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ tài chính cho giáo viên tham gia các khóa tập huấn, bồi dưỡng về nghiên cứu khoa học để hướng dẫn học sinh đạt kết quả tốt hơn đồng thời tổ chức triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học đến tất cả học sinh của trường để thu hút nhiều học sinh có năng khiếu tham gia.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục.

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất

05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh hằng năm đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.8-01]; [H5-5.6-01].

Học lực:

Học lực Năm học	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu, kém
2014-2015	32,92	34,47	28,83	3,79
2015-2016	32,14	31,22	31,60	5,88
2016-2017	31,57	33,7	29,80	4,86
2017-2018	31,31	36,05	30,75	1,88
2018-2019	32,05	37,31	29,29	1,35

Hạnh kiểm:

Hạnh kiểm Năm học	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
2014-2015	89,64	10,36	00	00
2015-2016	88,93	11,07	00	00
2016-2017	91,1	8,9	00	00
2017-2018	94,91	5,09	00	00
2018-2019	96,63	3,37	00	00

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp đạt trên 98% vượt so với chỉ tiêu trong kế hoạch năm học [H5-5.6-01]; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá đều đạt 100%, đạt so với chỉ tiêu theo kế hoạch của nhà trường [H5-5.6-02].

Tỷ lệ học sinh lên lớp:

Năm học	Chỉ tiêu	Kết quả
2014-2015	97%	98,45%
2015-2016	97%	98,47%
2016-2017	97%	97,06%
2017-2018	97%	98,88%
2018-2019	97%	98,33%

c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt 100% theo kế hoạch của nhà trường, các học sinh không đậu kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông nhà trường tiếp tục tư vấn phụ huynh và học sinh để các em có thể tiếp tục học ở trường trường trung cấp nghề, trường ngoài công lập, trung tâm giáo dục nghề nghiệp-giáo dục thường xuyên, ... [H1-1.8-01]; [H1-1.4-05].

Mức 2:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá [H5-5.6-01].

b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá [H5-5.6-01]; [H5-5.6-02]. Tuy nhiên, tỷ lệ học sinh đạt thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông chưa cao theo bình quân của quận.

Mức 3:

a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường đạt trên 30% [H5-5.6-01].

Số liệu	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019
Tỷ lệ học sinh xếp loại Giỏi	32,92	32,14	31,51	31,31	32,05

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường đạt đạt trên 35% [H5-5.6-01].

Số liệu	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019
Tỷ lệ học sinh xếp loại Khá	34,47	31,22	33,7	36,05	37,31

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường không quá 05% [H5-5.6-01].

Số liệu	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019
Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	3,79	5,88	4,88	1,88	1,35

- Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt trên 99% [H5-5.6-01].

Số liệu	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt	100	100	100	100	100

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Trường không có hiện tượng học sinh bỏ học, tỷ lệ học sinh lưu ban không quá 02% [H1-1.4-05]; [H5-5.6-01].

Số liệu	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019
Tỷ lệ học sinh lưu ban	0,62	0,76	1,47	0,56	0,67

2. Điểm mạnh

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Công tác định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ học sinh vào lớp 10 kỳ thi tuyển sinh vào trung học phổ thông của trường chưa cao theo bình quân của quận.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong năm học 2020-2021 định kỳ qua từng đợt báo điểm, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng chuyên môn tổ chức họp với giáo viên chủ nhiệm lớp 9 và giáo viên dạy các môn Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh lớp 9 nhằm đánh giá, rút kinh nghiệm quả học tập của học sinh và kết quả giảng dạy của giáo viên để có sự hỗ trợ, điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 3.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật:

Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường, các hình thức tổ chức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực.

Học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, giáo dục đạo đức, lối sống và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước được hình thành, phát triển.

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Điểm yếu cơ bản:

Số lượng học sinh giỏi cấp thành phố đạt chưa cao.

Số lượng học sinh tham gia nghiên cứu khoa học chưa nhiều và kết quả đạt được mới chỉ ở cấp quận.

Tỷ lệ học sinh đạt thi tuyển sinh vào lớp 10 trung học phổ thông chưa cao.

- Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

- Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

Căn cứ vào Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy định về Kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt Chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường trường trung học phổ thông có nhiều cấp học, Trường Trung học cơ sở An Phú Đông tự đánh giá như sau:

- | | |
|--|-------------|
| - Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 28/28 | tỉ lệ: 100% |
| - Số lượng tiêu chí không đạt Mức 1: 00/28 | tỉ lệ: 0% |
| - Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 28/28 | tỉ lệ: 100% |

- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 2: 00/28 tỉ lệ: 0%
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 05/20 tỉ lệ: 25%
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 3: 15/20 tỉ lệ: 75%
- Mức đánh giá của Trường Trung học cơ sở An Phú Đông: Mức 2;
- Trường Trung học cơ sở An Phú Đông đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Báo cáo tự đánh giá của Trường Trung học cơ sở An Phú Đông được hoàn thành phản ánh kết quả toàn diện các mặt hoạt động của nhà trường, giúp nhà trường đánh giá công tác quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục. Trên cơ sở tự đánh giá chất lượng giáo dục, báo cáo này sẽ được sử dụng như một công cụ để cải tiến và nâng cao chất lượng quản lý và giáo dục của nhà trường.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tự đánh giá chất lượng giáo dục của Trường Trung học cơ sở An Phú Đông về công tác kiểm định chất lượng giáo dục trường phổ thông. Nhà trường kính mong Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Quận 12, Phòng Giáo dục và Đào tạo, chính quyền địa phương, các thành viên trong Đoàn đánh giá ngoài đóng góp ý kiến để công tác tự đánh giá của nhà trường ngày càng đạt chất lượng và hoàn thiện hơn./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 02 năm 2020
HIỆU TRƯỞNG

Lê Văn Ngôn

Phần IV. PHỤ LỤC

BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát,...	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường giai đoạn 2016-2020.	Số 01/KHCL-APĐ ngày 07/09/2016.	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Kê hoạch phát triển kinh tế xã hội của phường An Phú Đông giai đoạn 2015-2020.	Nhiệm kỳ 2015-2020.	Ủy ban nhân dân phường An Phú Đông	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.1-03]	Trang web và cổng thông tin điện tử của trường.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.1-04]	Sổ họp Hội đồng trường.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	5	[H1-1.1-05]	Sổ họp liên tịch, họp hội đồng sư phạm.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

				Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng trường.	Năm học 2016-2017	Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.2-02]	Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng trường.	Sổ họp Hội đồng trường	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.2-03]	Quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.2-04]	Quyết định thành lập Hội đồng chấm sáng kiến kinh nghiệm	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	5	[H1-1.2-05]	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh lớp 6	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	6	[H1-1.2-06]	Hồ sơ thi đua	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn	Hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn

Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Quyết định công nhận Ban Chấp hành công đoàn.	Số 447/QĐ-LĐLĐ ngày 08 tháng 11 năm 2018	Công đoàn giáo dục Quận 12	Chủ tịch công đoàn
	2	[H1-1.3-02]	Sổ họp Ban Chấp hành công đoàn, sổ họp các tổ công đoàn.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Chủ tịch công đoàn	Chủ tịch công đoàn Tổ trưởng công đoàn
	3	[H1-1.3-03]	Quyết định công nhận Ban Chấp hành chi đoàn.	Số 22/QĐ-ĐTN ngày 17 tháng 09 năm 2014 Số 72/QĐ-ĐTN ngày 30 tháng 11 năm 2016	Đoàn phường An Phú Đông	Bí thư chi đoàn
	4	[H1-1.3-04]	Sổ họp Ban Chấp hành chi đoàn, sổ họp chi đoàn.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Bí thư chi đoàn	Bí thư chi đoàn
	5	[H1-1.3-05]	Hồ sơ hoạt động Đội.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
	6	[H1-1.3-06]	Hồ sơ chăm và công nhận sáng kiến.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

	7	[H1-1.3-07]	Hồ sơ tuyển sinh.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	8	[H1-1.3-08]	Hồ sơ xét duyệt học sinh.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	9	[H1-1.3-09]	Hồ sơ xét tốt nghiệp Trung học cơ sở.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	10	[H1-1.3-10]	Quyết định chuẩn y cấp ủy chi bộ.	Năm 2015	Đảng ủy phường An Phú Đông	Bí thư chi bộ
	11	[H1-1.3-11]	Sổ họp cấp ủy, sổ họp chi bộ.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Bí thư chi bộ	Bí thư chi bộ
	12	[H1-1.3-12]	Giấy khen chi bộ đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Đảng ủy phường An Phú Đông	Bí thư chi bộ

				Năm học 2018-2019		
	13	[H1-1.3-13]	Hồ sơ đề nghị chi bộ đạt danh hiệu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.	Năm học 2017-2018	Đảng ủy phường An Phú Đông	Bí thư chi bộ
	14	[H1-1.3-14]	Kết quả đánh giá hoạt động của công đoàn, Đoàn, Đội.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phòng Giáo dục và Đào tạo, Liên đoàn lao động quận, Đoàn phường An Phú Đông, Hội đồng Đội Quận 12	Chủ tịch công đoàn Bí thư chi đoàn Tổng phụ trách
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng.	Số 671/QĐ-UBND ngày 09 tháng 08 năm 2010 Số 785/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2015 Số 765/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2015 Số 948/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2015	Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 12	Hiệu trưởng Phó Hiệu trưởng
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và phân công tổ trưởng, tổ phó.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Văn thư
	3	[H1-1.4-03]	Hồ sơ tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Phó Hiệu trưởng chuyên môn, Tổ trưởng chuyên môn	Tổ trưởng chuyên môn Tổ trưởng

				Năm học 2018-2019		văn phòng
	4	[H1-1.4-04]	Các chuyên đề chuyên môn.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng chuyên môn, Tổ trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn Tổ trưởng chuyên môn
	5	[H1-1.4-05]	Báo cáo sơ kết, tổng kết.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Hiệu trưởng Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	6	[H1-1.4-06]	Biên bản kiểm tra hồ sơ tổ, hồ sơ cá nhân giáo viên.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn Tổ trưởng chuyên môn
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Danh sách học sinh các lớp.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	2	[H1-1.5-02]	Sổ chủ nhiệm.	Năm học 2014-2015	Hiệu trưởng, Phó	Phó Hiệu

				Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng chuyên môn	trưởng chuyên môn
	3	[H1-1.5-03]	Sổ đăng bộ.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Học vụ	Học vụ
	4	[H1-1.5-04]	Biên bản họp bầu Ban cán sự lớp.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Giáo viên chủ nhiệm	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Sổ quản lý công văn đi, đến.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Văn thư	Văn thư
	2	[H1-1.6-02]	Hồ sơ tài chính của kế toán.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Kê toán	Kế toán
	3	[H1-1.6-03]	Biên bản tự kiểm tra tài chính, tài sản.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất	Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất

				Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		Kế toán
	4	[H1-1.6-04]	Quy chế chi tiêu nội bộ.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn, Kế toán	Hiệu trưởng Chủ tịch công đoàn Kế toán
	5	[H1-1.6-05]	Biên bản kiểm tra tài chính, tài sản của Phòng Giáo dục và Đào tạo.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12	Hiệu trưởng
	6	[H1-1.6-06]	Phần mềm quản lý tài chính, tài sản.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Kế toán	Kế toán
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	2	[H1-1.7-02]	Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn

				Năm học 2018-2019		
	3	[H1-1.7-03]	Bảng phân công nhiệm vụ cán bộ, giáo viên, nhân viên.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.7-04]	Biên bản kiểm tra chuyên môn của nhà trường.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	5	[H1-1.7-05]	Báo cáo thực hiện Nghị quyết Hội nghị cán bộ công chức, viên chức.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Kế toán	Kế toán
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục của nhà trường.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	2	[H1-1.8-02]	Sổ đầu bài.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	3	[H1-1.8-03]	Báo cáo sơ kết, tổng kết	Năm học 2014-2015	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu

			chuyên môn.	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	chuyên môn	trưởng chuyên môn
	4	[H1-1.8-04]	Biên bản kiểm tra chuyên môn của Phòng Giáo dục và Đào tạo.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Hiệu trưởng Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	5	[H1-1.8-05]	Hồ sơ quản lý công tác dạy thêm, học thêm.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Quy chế thực hiện dân chủ.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.9-02]	Hồ sơ tiếp công dân.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	3	[H1-1.9-03]	Hồ sơ Hội nghị cán bộ-công chức-viên chức.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016	Hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn	Chủ tịch công đoàn

				Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		
	4	[H1-1.9-04]	Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn	Chủ tịch công đoàn
	5	[H1-1.9-05]	Biên bản giám sát của Ban Thanh tra nhân dân.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Ban Thanh tra nhân dân	Trưởng ban Thanh tra nhân dân
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.10-02]	Kế hoạch đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Y tế	Y tế
	3	[H1-1.10-03]	Kế hoạch đảm bảo an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

				Năm học 2018-2019		
4	[H1-1.10-04]	Kế hoạch an toàn phòng, chống cháy, nổ.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng. Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất	Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất	
5	[H1-1.10-05]	Kế hoạch an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng	
6	[H1-1.10-06]	Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Y tế	Y tế	
7	[H1-1.10-07]	Kế hoạch phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng	
8	[H1-1.10-08]	Hình ảnh hộp thư góp ý và số điện thoại của Hiệu trưởng, nhà trường.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Kế toán	Hiệu trưởng	
9	[H1-1.10-09]	Kết quả công nhận trường	Năm học 2014-2015	Phòng Giáo dục và	Hiệu	

			học có đời sống văn hóa và an toàn trường học.	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Đào tạo, Ủy ban nhân dân Quận 12	trưởng
	10	[H1-1.10-10]	Hồ sơ, hình ảnh tuyên truyền, tập huấn về an toàn trường học.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất	Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất
	11	[H1-1.10-11]	Sổ sao đỏ	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Tổng phụ trách Đội	Tổng phụ trách Đội
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Hồ sơ cá nhân của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Hiệu trưởng Phó Hiệu trưởng
	2	[H2-2.1-02]	Kết quả đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Ủy ban nhân dân Quận 12, Hiệu trưởng	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng
	3	[H2-2.1-03]	Chứng chỉ, chứng nhận học bồi dưỡng của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Hiệu trưởng, Phó Hiệu

				Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		trưởng
	4	[H2-2.1-04]	Hồ sơ quy hoạch cán bộ quản lý.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Bảng thống kê trình độ giáo viên, nhân viên.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	2	[H2-2.2-02]	Hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	3	[H2-2.2-03]	Kết quả học sinh thi nghiên cứu khoa học.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Hồ sơ đánh giá cán bộ công chức-viên chức.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn	Hiệu trưởng

	2	[H2-2.3-02]	Hồ sơ cá nhân của nhân viên.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng Cơ sở vật chất, Nhân viên	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	3	[H2-2.3-03]	Chứng chỉ, chứng nhận của nhân viên.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Nhân viên	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Sổ gọi tên và ghi điểm.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	2	[H2-2.4-02]	Sổ kỷ luật học sinh.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Tổng phụ trách	Tổng phụ trách
	3	[H2-2.4-03]	Danh sách học sinh nhận học bổng, miễn giảm học phí, nhận quà Tết.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Tổng phụ trách, Kế toán, thủ quỹ	Thủ quỹ
	4		Quyết định khen thưởng học sinh.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016	Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng

		[H2-2.4-04]		Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		chuyên môn
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	BK 476209 ngày 27/11/2913	Giám đốc Sở tài nguyên và môi trường	Hiệu trưởng
	2	[H3-3.1-02]	Hình ảnh cổng trường, biển tên trường, tường rào.	Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất	Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất
	3	[H3-3.1-03]	Hình ảnh sân chơi, bãi tập.	Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất	Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Hình ảnh các phòng học.	Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất	Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất
	2	[H3-3.2-02]	Sơ đồ nhà trường.	Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất	Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất
	3	[H3-3.2-03]	Hình ảnh các phòng bộ môn.	Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất	Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất
	4	[H3-3.2-04]	Hình ảnh phòng Đoàn-Đội, thư viện, phòng truyền thống.	Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất	Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Hình ảnh khối hành chính-quản trị.	Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất	Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất

						sở vật chất
	2	[H3-3.3-02]	Hình ảnh khu vực để xe.	Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất	Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất
	3	[H3-3.3-03]	Hợp đồng bảo trì sửa chữa thiết bị nhà trường	Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất	Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Hình ảnh khu vệ sinh giáo viên và nhà vệ sinh học sinh.	Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất	Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất
	2	[H3-3.4-02]	Hình ảnh hệ thống thoát nước.	Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất	Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất
	3	[H3-3.4-03]	Hợp đồng cung cấp nước uống, nước sinh hoạt	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Kế toán	Kế toán
	4	[H3-3.4-04]	Biên bản kiểm tra y tế.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Trung tâm y tế Quận 12	Y tế
	5		Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng nước.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016	Trung tâm y tế Quận 12	Y tế

		[H3-3.4-05]		Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		
	6	[H3-3.4-06]	Hợp đồng thu gom rác.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Công ty công ích Quận 12	Y tế
	7	[H3-3.4-07]	Hợp đồng gửi và xử lý rác thải y tế.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Công ty công ích Quận 12	Y tế
	8	[H3-3.4-08]	Hình ảnh khu tập trung rác.	Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Danh mục thiết bị, đồ dùng dạy học.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Thiết bị	Thiết bị
	2	[H3-3.5-02]	Biên bản kiểm kê tài sản.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất	Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất
	3	[H3-3.5-03]	Kế hoạch kiểm kê và sửa	Năm học 2014-2015	Nhân viên thiết bị	Nhân viên

			chữa, mua sắm thiết bị dạy học.	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		thiết bị
	4	[H3-3.5-04]	Hợp đồng kết nối mạng và hóa đơn thanh toán tiền Internet.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Kế toán	Kế toán
	5	[H3-3.5-05]	Sổ ký mượn, trả đồ dùng dạy học.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị
	6	[H3-3.5-06]	Sổ theo dõi thiết bị dạy học tự làm	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Nhân viên thiết bị	Nhân viên thiết bị
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Danh mục sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, ...	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Thư viện	Thư viện

	2	[H3-3.6-02]	Hình ảnh thư viện.	Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất	Phó Hiệu trưởng cơ sở vật chất
	3	[H3-3.6-03]	Hồ sơ quản lý thư viện.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Thư viện	Thư viện
	4	[H3-3.6-04]	Biên bản kiểm tra thư viện.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phòng Giáo dục và Đào tạo	Thư viện
	5	[H3-3.6-05]	Sổ quản lý tài sản thư viện.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Thư viện	Thư viện
	6	[H3-3.6-06]	Danh mục mua bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh,...	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Thư viện	Thư viện
	7		Kết quả công nhận Thư viện của nhà trường đạt	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016	Sở Giáo dục và Đào tạo TP.HCM	Thư viện

		[H3-3.6-07]	Thư viện trường học tiên tiến.	Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Hồ sơ đại hội cha mẹ học sinh.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Ban đại diện cha mẹ học sinh	Hiệu trưởng
	2	[H4-4.1-02]	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Ban đại diện cha mẹ học sinh	Hiệu trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh
	3	[H4-4.1-03]	Báo cáo hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Ban đại diện cha mẹ học sinh	Hiệu trưởng Ban đại diện cha mẹ học sinh
	4	[H4-4.1-04]	Sổ họp của của Ban đại diện cha mẹ học sinh.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Ban đại diện cha mẹ học sinh	Ban đại diện cha mẹ học sinh
	5	[H4-4.1-05]	Biên bản họp cha mẹ học	Năm học 2014-2015	Hiệu trưởng, Giáo	Hiệu

			sinh các lớp.	Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	viên chủ nhiệm	trưởng
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Hồ sơ tham mưu xây dựng phát triển nhà trường	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn	Hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn
	2	[H4-4.2-02]	Hình ảnh tổ chức tuyên truyền, giáo dục.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	3	[H4-4.2-03]	Hồ sơ hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh, Hội khuyến học.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Ban đại diện cha mẹ học sinh, Hiệu trưởng	Ban đại diện cha mẹ học sinh
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Sinh hoạt chuyên môn qua trang trường học kết nối.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng chuyên môn, Giáo viên	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	2		Hồ sơ kiểm tra học kỳ.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng

		[H5-5.1-02]		Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	chuyên môn	chuyên môn
	3	[H5-5.1-03]	Hồ sơ bồi dưỡng học sinh.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	4	[H5-5.1-04]	Hồ sơ phụ đạo học sinh.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Sổ đầu bài bồi dưỡng, phụ đạo.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	2	[H5-5.2-02]	Báo cáo hoạt động văn-thể-thể-mỹ.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Trưởng ban văn-thể-mỹ	Trưởng ban văn-thể-mỹ
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Tài liệu giảng dạy giáo dục địa phương.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016	Phó Hiệu trưởng chuyên môn, Giáo	Thư viện

				Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	viên bộ môn	
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	2	[H5-5.4-02]	Hình ảnh tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Kế hoạch giáo dục kỹ năng sống.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	2	[H5-5.5-02]	Tài liệu giảng dạy kỹ năng sống.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Phó Hiệu trưởng chuyên môn, Giáo viên chủ nhiệm	Thư viện
	3	[H5-5.5-03]	Hình ảnh thực hiện giáo dục kỹ năng sống.	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016	Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng

				Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019		chuyên môn
Tiêu chí 5.6	1	[H5-5.6-01]	Hồ sơ xét duyệt học lực, hạng kiểm học sinh cuối năm	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn
	2	[H5-5.6-02]	Hồ sơ xét tốt nghiệp trung học cơ sở	Năm học 2014-2015 Năm học 2015-2016 Năm học 2016-2017 Năm học 2017-2018 Năm học 2018-2019	Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng chuyên môn	Phó Hiệu trưởng chuyên môn